

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1986 và bà Lê Ngọc Gia M, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ cư trú: 43 đường N, tổ G, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (số F, quyển số 01/2013 ngày 13/6/2013), trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dù đã cho nhau cơ hội thay đổi nhưng không thành không thể hàn gắn được. Nay ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Khải A, sinh ngày 31/5/2014 và Nguyễn Khải M1, sinh ngày 19/02/2016. Ly hôn, ông K và bà M thỏa thuận giao hai con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mỗi con 5.000.000đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2024.

Xét thấy, sự thỏa thuận của ông **K** và bà **M** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông **Nguyễn Duy K** và bà **Lê Ngọc Gia M** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông **Nguyễn Duy K** và bà **Lê Ngọc Gia M** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Duy K** và bà **Lê Ngọc Gia M** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà **Lê Ngọc Gia M** nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên **Nguyễn Khải A**, sinh ngày 31/5/2014 và **Nguyễn Khải M1**, sinh ngày 19/02/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông **Nguyễn Duy K** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/ con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2024.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Ông **Nguyễn Duy K** và Bà **Lê Ngọc Gia M** không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Nguyễn Duy K** và Bà **Lê Ngọc Gia M** không yêu cầu giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông K và bà M đã nộp tại biên lai thu số 0001765 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Nguyễn Duy K và bà Lê Ngọc Gia M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lệ Hằng**